

Số: 7174/QĐ-CNNL

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý hoạt động sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (M&A) của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành tại Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 09/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam);

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 23-TB/ĐU ngày 21/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quy chế quản trị của Hội đồng thành viên Petrovietnam ban hành kèm theo Quyết định số 5377/QĐ-DKVN ngày 27/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 6955/QĐ-CNNL ngày 12/8/2026 của Hội đồng thành viên Petrovietnam về việc phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên của Petrovietnam;

Căn cứ Quyết định số 6956/QĐ-CNNL ngày 12/8/2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Petrovietnam về việc ủy quyền ký ban hành văn bản của Hội đồng thành viên Petrovietnam;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Petrovietnam tại các công văn số 17/CVNB-CHD ngày 10/06/2026, số 52/CVNB/CHD ngày 7/8/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành “Quy chế Quản lý hoạt động sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (M&A) của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Tổng Giám đốc và Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban thuộc Petrovietnam, Người đại diện phần vốn của Petrovietnam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT Petrovietnam (e-copy để b/c);
- Các TV HĐQT Petrovietnam (e-copy);
- TGD Petrovietnam (e-copy);
- Đảng ủy Petrovietnam (e-copy);
- Các Phó TGD Petrovietnam (e-copy);
- Ban Kiểm soát Petrovietnam (e-copy);
- Ban KTĐT;
- Các Ban/VP Petrovietnam (e-copy);
- Các đơn vị liên quan/NĐDPV của Petrovietnam tại các đơn vị (Ban KTĐT t/báo);
- Lưu: VT, HĐQT (b).



**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TUQ. CHỦ TỊCH
THÀNH VIÊN HĐQT**



Nguyễn Văn Mậu

1/2
2/2
3/2
4/2
5/2
6/2
7/2
8/2
9/2
10/2
11/2
12/2
13/2
14/2
15/2
16/2
17/2
18/2
19/2
20/2
21/2
22/2
23/2
24/2
25/2
26/2
27/2
28/2
29/2
30/2
31/2
32/2
33/2
34/2
35/2
36/2
37/2
38/2
39/2
40/2
41/2
42/2
43/2
44/2
45/2
46/2
47/2
48/2
49/2
50/2
51/2
52/2
53/2
54/2
55/2
56/2
57/2
58/2
59/2
60/2
61/2
62/2
63/2
64/2
65/2
66/2
67/2
68/2
69/2
70/2
71/2
72/2
73/2
74/2
75/2
76/2
77/2
78/2
79/2
80/2
81/2
82/2
83/2
84/2
85/2
86/2
87/2
88/2
89/2
90/2
91/2
92/2
93/2
94/2
95/2
96/2
97/2
98/2
99/2
100/2

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (M&A) của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7174/QĐ - CNNL ngày 19/8/ 2026
của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

Quy chế quản lý hoạt động sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (M&A) của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (dưới đây gọi là “Quy chế”) được ban hành nhằm thiết lập cơ chế quản lý thống nhất, minh bạch và hiệu quả đối với hoạt động M&A, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và góp phần giảm thiểu rủi ro pháp lý và tài chính trong quá trình tổ chức triển khai các giao dịch M&A.

Đảm bảo quá trình triển khai các Giao dịch M&A được thực hiện theo quy định, và định hướng chiến lược của Petrovietnam bao gồm cả chiến lược công nghệ, đổi mới sáng tạo, sản phẩm mới...

Thúc đẩy hoạt động M&A để đáp ứng yêu cầu phát triển theo mục tiêu chiến lược của Petrovietnam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1. Quy chế áp dụng cho các hoạt động nhằm nhận chuyển giao quyền sở hữu hoặc kiểm soát đối với doanh nghiệp (gọi tắt là Hoạt động M&A), được thực hiện thông qua các hình thức: mua lại cổ phần, phần vốn góp, hoặc sáp nhập doanh nghiệp.

1.2. Quy chế này không áp dụng đối với các giao dịch sau:

- a) Đầu tư tài chính ngắn hạn;
- b) Mua sắm tài sản cố định;
- c) Tiếp nhận doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Petrovietnam;

2.2. Người đại diện phần vốn của Petrovietnam tại doanh nghiệp khác;

2.3. Người đại diện của Petrovietnam tham gia Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên và tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý hoạt động M&A

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *M&A*: là từ viết tắt của hai từ tiếng Anh là Merger (sáp nhập) và Acquisition (mua lại).
2. *Sáp nhập doanh nghiệp*: là việc một hoặc một số doanh nghiệp chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang một doanh nghiệp nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc sự tồn tại của doanh nghiệp bị sáp nhập.
3. *Mua lại doanh nghiệp*: là việc một doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp mua toàn bộ hoặc một phần vốn góp, tài sản của doanh nghiệp mục tiêu đủ để kiểm soát, chi phối doanh nghiệp hoặc một ngành, nghề của doanh nghiệp bị mua lại.
4. *Hoạt động M&A*: là tổng thể toàn bộ các công việc, các bước, quy trình, trình tự của M&A.
5. *Giao dịch M&A*: là từng thương vụ M&A cụ thể.
6. *M&A nước ngoài*: là thực hiện việc sáp nhập hoặc mua lại doanh nghiệp đăng ký ở quốc gia khác.
7. *Hợp đồng M&A*: là hợp đồng quy định các điều khoản mua bán cổ phần hoặc phần vốn góp, hợp đồng sáp nhập, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung về giá, điều kiện hoàn tất Giao dịch M&A, cam kết và bảo đảm của từng bên;
8. *Giá trị giao dịch M&A*: là tổng giá trị phần vốn/cổ phần/quyền lợi kinh tế mà Petrovietnam dự kiến mua/hoán đổi, bao gồm các khoản thanh toán hoãn lại, điều chỉnh sau sáp nhập (earn-out) nếu đã xác định tại thời điểm trình quyết định.
9. *Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn/Petrovietnam)* là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ, được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 09/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
10. *Lãnh đạo Petrovietnam*: bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc.
11. *Hội đồng Đầu tư*: bao gồm Thành viên Hội đồng thành viên, các Phó Tổng Giám đốc Petrovietnam, Trưởng Ban Kinh tế Đầu tư, các Trưởng Ban Petrovietnam liên quan và Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Giám đốc các đơn vị liên quan.
12. *Ban Chức năng*: là Văn phòng và các Ban chuyên môn thuộc Bộ máy điều hành Petrovietnam;

13. *Ban triển khai M&A*: là đơn vị được giao đầu mỗi triển khai hoạt động M&A (Ban triển khai M&A là Ban Kinh tế Đầu tư tại thời điểm ban hành Quy chế này);

14. *Người đại diện phần vốn của Petrovietnam tại doanh nghiệp khác*: là người được Petrovietnam giới thiệu hoặc cử/ ủy quyền làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn Petrovietnam đầu tư tại doanh nghiệp để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông và/ hoặc thành viên Petrovietnam theo quy định của pháp luật;

15. *Doanh nghiệp khác*: là các doanh nghiệp có vốn góp trực tiếp của Petrovietnam được tổ chức theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, các loại hình công ty khác theo quy định pháp luật và các Hiệp định liên Chính phủ;

16. *Người phân cấp*: là cá nhân, tổ chức (Hội đồng thành viên/ Tổng Giám đốc) có thẩm quyền cao hơn, thực hiện việc chuyển giao một phần quyền hạn và/ hoặc trách nhiệm của mình cho cấp dưới để thực hiện một hoặc nhiều công việc cụ thể, theo phạm vi, điều kiện và giới hạn được quy định;

17. *Người được phân cấp*: là cá nhân hoặc tổ chức (Tổng Giám đốc/ NDD) nhận ủy quyền, nhận giao nhiệm vụ hoặc quyền hạn từ Người phân cấp để thực hiện một số công việc nhất định trong phạm vi và giới hạn đã được xác định rõ;

18. *Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm* không được quy định hay giải thích trong Quy chế này được hiểu theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các quy định nội bộ có liên quan;

19. *Những từ viết tắt*:

19.1. Petrovietnam: Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam;

19.2. HĐTV: Hội đồng thành viên Petrovietnam;

19.3. NDD: Người đại diện phần vốn của Petrovietnam;

19.4. NBO: Thư chào mua/ đề nghị không ràng buộc;

19.5. LOI: Thư bày tỏ ý định;

19.6. CPs: Điều kiện tiên quyết;

19.7. DD: Thẩm định;

19.8. PMI: Tích hợp sau M&A.

CHƯƠNG II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG M&A

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền

1. Hội đồng thành viên Petrovietnam phân cấp cho Tổng Giám đốc Petrovietnam, Người đại diện phần vốn của Petrovietnam tại doanh nghiệp khác thực hiện một số quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT Petrovietnam theo quy định tại Quy chế này.

2. Cá nhân/ tổ chức được phân cấp có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, phạm vi được phân cấp, tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Petrovietnam, quy định nội bộ liên quan đến nội dung được phân cấp. Cá nhân/ tổ chức được phân cấp chịu trách nhiệm về các quyết định của mình khi thực hiện thẩm quyền được phân cấp và các hệ quả phát sinh do vi phạm quy định pháp luật, quy định nội bộ của Petrovietnam hoặc thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ phạm vi được phân cấp.

3. Việc phân cấp thẩm quyền phải đảm bảo gắn với công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát rủi ro, đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Chủ thể được phân cấp thẩm quyền báo cáo HĐQT Petrovietnam xem xét, quyết định trong trường hợp phát sinh các khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh ngoài phạm vi được phân cấp.

4. Phân cấp, ủy quyền lại:

a) Tổng Giám đốc Petrovietnam được ủy quyền lại cho các Phó Tổng Giám đốc Petrovietnam thực hiện các trách nhiệm đã được HĐQT Petrovietnam phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc Petrovietnam theo quy định tại Quy chế này.

b) Tổng Giám đốc Petrovietnam được phân cấp cho Người đại diện phần vốn của Petrovietnam tại doanh nghiệp khác thực hiện các trách nhiệm HĐQT Petrovietnam phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc Petrovietnam theo quy định tại Quy chế này.

c) Người phân cấp, ủy quyền lại có trách nhiệm tổ chức kiểm tra giám sát thường xuyên việc thực hiện các công việc phân cấp, ủy quyền lại để đảm bảo việc thực hiện các công việc phân cấp, ủy quyền lại tuân thủ quy định pháp luật; đồng thời Người phân cấp, ủy quyền lại chịu trách nhiệm với HĐQT Petrovietnam về các quyết định của Người được phân cấp, ủy quyền lại.

Điều 5. Thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên Petrovietnam

Hội đồng Thành viên thực hiện quyền và trách nhiệm sau trong hoạt động M&A:

1. Xem xét, quyết định chiến lược, kế hoạch M&A của Petrovietnam trong chiến lược, kế hoạch SXKD của Petrovietnam phù hợp với chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh trung, dài hạn của Tập đoàn.

2. Chỉ đạo xây dựng phương án M&A để thông qua và trình cấp thẩm quyền chấp thuận đối với các Giao dịch M&A có giá trị lớn hơn 15.000 (mười lăm nghìn) tỷ đồng;

3. Phê duyệt chủ trương, hình thức M&A để doanh nghiệp mục tiêu trở thành công ty con của Petrovietnam/ công ty con của doanh nghiệp cấp II phù hợp với chiến lược, ngành nghề của Tập đoàn.

4. Quyết định phương án các Giao dịch M&A có giá trị từ 15.000 tỷ đồng trở xuống và phương án M&A tại khoản 2 điều này sau khi được cấp thẩm quyền chấp thuận;

5. Phân cấp để Tổng Giám đốc quyết định Giao dịch M&A có giá trị từ 4.600 tỷ đồng trở xuống; Thông qua chủ trương để Người đại diện vốn của Petrovietnam biểu quyết/ quyết định đối với giao dịch M&A của doanh nghiệp khác, có giá trị lớn hơn 4.600 tỷ đồng và giá trị lớn hơn 15.000 tỷ đồng sau khi đã được cấp thẩm quyền chấp thuận;

6. Phân cấp để Người đại diện vốn của Petrovietnam quyết định/ biểu quyết đối với giao dịch M&A có giá trị tương đương mức phân cấp quyết định dự án đầu tư cho Người đại diện vốn của Petrovietnam, theo Nhóm đơn vị tại Quy chế phân cấp và Giám sát đầu tư của Tập đoàn, nhưng không vượt quá mức phân cấp cho Tổng Giám đốc quy định tại Khoản 5 - Điều 5 Quy chế này (không lớn hơn 4.600 tỷ đồng).

7. Xem xét, chỉ đạo, quyết định xử lý các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai, giám sát và đánh giá các giao dịch M&A.

8. Chỉ đạo báo cáo cho cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 6. Thẩm quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc Petrovietnam

1. Xây dựng kế hoạch M&A trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, 5 năm phù hợp chiến lược để trình HĐQT phê duyệt;

2. Chỉ đạo các Ban chức năng/NDD tham gia nghiên cứu, tìm kiếm, đánh giá, xây dựng và đề xuất chủ trương/phương án M&A;

3. Trình HĐQT phê duyệt chủ trương M&A để xây dựng phương án triển khai;

4. Trình HĐQT xem xét phê duyệt phương án M&A thuộc thẩm quyền của HĐQT quy định tại Khoản 4 - Điều 5 Quy chế này;

5. Quyết định phương án, các nội dung liên quan đến giao dịch M&A theo mức được Hội đồng Thành viên phân cấp tại Khoản 5 - Điều 5 Quy chế này;

6. Xem xét, chấp thuận để Người đại diện vốn của Petrovietnam tại doanh nghiệp khác quyết định/ biểu quyết giao dịch M&A có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho NDD quy định tại Khoản 6 - Điều 5 Quy chế này, nhưng không vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo mức phân cấp tại Khoản 5 điều này;

7. Tổ chức triển khai thực hiện giao dịch M&A theo quyết định đã được phê duyệt;

8. Chịu trách nhiệm quản lý các giao dịch M&A, giám sát tiến độ và hiệu quả triển khai từng giao dịch theo phương án đã được phê duyệt.

9. Tổ chức đánh giá và báo cáo về tính hiệu quả của các giao dịch M&A đã thực hiện, đề xuất/ quyết định điều chỉnh quy định nội bộ, cải tiến quy trình để nâng cao hiệu quả cho Hoạt động M&A trong tương lai.

Điều 7. Thẩm quyền, trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của Petrovietnam

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch M&A trong chiến lược, kế hoạch chung của công ty để biểu quyết/ quyết định hoặc trình Tập đoàn thông qua theo quy định về quản lý công tác chiến lược, kế hoạch của Tập đoàn;

2. Quyết định/ biểu quyết đối với giao dịch M&A theo mức được phân cấp tại Khoản 6 - Điều 5 Quy chế này;

3. Trình HĐQT Petrovietnam phê duyệt chủ trương M&A để xây dựng phương án M&A;

4. Xây dựng phương án M&A để trình Petrovietnam chấp thuận trước khi quyết định/ biểu quyết đối với giao dịch M&A có giá trị lớn hơn mức phân cấp quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Tổ chức triển khai/ phối hợp triển khai thực hiện Giao dịch M&A theo quyết định đã được phê duyệt;

6. Thực hiện công tác báo cáo Petrovietnam về hoạt động M&A của doanh nghiệp trong báo cáo của Người đại diện vốn theo Quy chế Người đại diện phần vốn của Tập đoàn.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN M&A

Điều 8. Nguyên tắc chung và mục tiêu khi thực hiện M&A

1. Nguyên tắc chung

- Tuân thủ quy định của pháp luật;
- Phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Petrovietnam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Xác định mục tiêu M&A

Cần xác định mục tiêu M&A ngay từ giai đoạn lập kế hoạch, mỗi giao dịch M&A có mục tiêu khác nhau, có thể khái quát ba (03) nhóm mục tiêu chính:

2.1 Mục tiêu chiến lược: mở rộng thị phần, tăng công suất sản xuất, gia tăng trữ lượng, sản lượng dầu, khí, sản phẩm lọc dầu, hóa dầu, phân bón, hóa chất..., sở hữu công nghệ, mở rộng phân khúc/thị trường mới, tối ưu hóa chuỗi cung ứng,

tham gia vào ngành /sản phẩm mới, dịch vụ mới.

2.2 Mục tiêu tài chính: Kỳ vọng đóng góp về quy mô và tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận.

2.3 Mục tiêu phi tài chính: Khả năng thu hút nhân sự chất lượng cao, củng cố thương hiệu, hoặc gia tăng năng lực quản trị.

Việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu M&A đã đề ra là tiêu chí then chốt để đánh giá hiệu quả Hoạt động M&A.

Điều 9. Các bước cơ bản khi thực hiện M&A

Quy trình thực hiện Giao dịch M&A được triển khai qua các bước cơ bản và nhiệm vụ chính của từng bước được xác định nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và quy định nội bộ của Petrovietnam, minh bạch và hiệu quả, như sau:

1. Bước 1: Tìm kiếm doanh nghiệp mục tiêu và sàng lọc cơ hội

- Xác định mục tiêu M&A;
- Lập danh sách rút gọn 03 - 05 doanh nghiệp mục tiêu phù hợp.
- Đánh giá ban đầu về rủi ro pháp lý, rủi ro thị trường, tình trạng các hợp đồng đang thực hiện (nếu có), rủi ro chính trị và các yếu tố liên quan khác.

2. Bước 2: Tiếp cận doanh nghiệp mục tiêu và đánh giá sơ bộ

- Ký kết Thỏa thuận bảo mật, tiếp nhận hồ sơ giới thiệu sơ bộ và tài liệu chi tiết.
- Làm việc với ban điều hành doanh nghiệp mục tiêu; thực hiện khảo sát cơ sở vật chất, văn phòng, nhà máy,...
- Thuê tư vấn độc lập khi cần thiết.
- Đánh giá sơ bộ mô hình kinh doanh, hệ thống hợp đồng và tình trạng của các hợp đồng chính đang thực hiện, rủi ro môi trường, an toàn lao động và sức khỏe tài chính.

3. Bước 3: Xem xét và phê duyệt đề nghị không ràng buộc

- Chuẩn bị Thư bày tỏ ý định/Đề nghị không ràng buộc (LOI/NBO), bao gồm: giá khung, tỷ lệ sở hữu, điều kiện tiên quyết (CPs), thời hạn thẩm định.

- Đánh giá sự phù hợp về tuân thủ pháp lý, nguồn vốn, khả năng tích hợp sau giao dịch.

- Trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định nội bộ.

4. Bước 4: Thẩm định chi tiết

- Thực hiện thẩm định toàn diện các khía cạnh: tài chính, pháp lý, thuế, kỹ thuật, môi trường và các vấn đề trọng yếu khác.

- Xác định các phát hiện trọng yếu và các rủi ro cần xử lý.

Handwritten signature

- Cập nhật và hoàn thiện kế hoạch tích hợp sau khi Giao dịch M&A hoàn thành (PMI).

5. Bước 5: Định giá và cấu trúc vốn

- Điều chỉnh mô hình định giá doanh nghiệp trên cơ sở kết quả thẩm định chi tiết, có tính đến cấu trúc giao dịch, phương thức thanh toán và các yếu tố rủi ro.

- Thiết kế cấu trúc vốn, đánh giá đòn bẩy tài chính, rủi ro tỷ giá và các yếu tố tài chính khác.

6. Bước 6: Đàm phán Hợp đồng ràng buộc

- Tổ chức đàm phán Hợp đồng M&A và các hợp đồng liên quan (nếu có).

- Xác định các điều kiện tiên quyết, ngày hoàn thành giao dịch (Closing) và trách nhiệm các bên.

- Tổng hợp, hoàn thiện Phương án M&A trình phê duyệt.

7. Bước 7: Phê duyệt phương án M&A

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án M&A theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy chế này.

- Theo dõi, giám sát tiến độ chuẩn bị giao dịch.

8. Bước 8: Hoàn tất giao dịch và triển khai PMI

- Thực hiện thanh toán, chuyển quyền sở hữu và các thủ tục pháp lý theo Hợp đồng M&A.

- Kích hoạt các Hợp đồng dịch vụ chuyển tiếp (nếu có).

- Triển khai kế hoạch PMI, bao gồm: tổ chức nhân sự chủ chốt, tuân thủ an toàn - sức khỏe - môi trường, tích hợp hệ thống và quy trình vận hành.

Tùy từng trường hợp giao dịch M&A cụ thể, trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng Thành viên, có thể rút gọn hoặc thực hiện đồng thời một số bước trong quy trình bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của Petrovietnam. Hoặc thực hiện quy trình, thủ tục theo thông lệ quốc tế đối với giao dịch M&A nước ngoài.

Quy trình chi tiết thực hiện giao dịch M&A được miêu tả tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Thực hiện hoạt động M&A

1. Ban triển khai M&A: Trừ khi có quyết định khác của Tổng Giám đốc Petrovietnam, Ban Kinh tế Đầu tư là đầu mối chủ trì, phối hợp với các Ban chức năng khác và có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch, phương án và xác định các mục tiêu M&A;
- Tìm kiếm, tiếp cận, đánh giá và sàng lọc doanh nghiệp mục tiêu;

- Thực hiện hoạt động M&A, bao gồm: Đầu mỗi tổ chức thẩm định, định giá, xây dựng mô hình tài chính đánh giá hiệu quả, đàm phán, quản lý tích hợp sau khi hoàn thành Giao dịch M&A... ;

- Quản lý Hoạt động M&A: Quản lý tiến độ, quá trình thực hiện, báo cáo định kỳ và đột xuất;

- Điều phối trong quá trình thực hiện Giao dịch: Là đầu mối liên hệ giữa các Ban Chức năng và đơn vị tư vấn bên ngoài;

- Đầu mỗi tổ chức việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động M&A.

2. Các Ban Chức năng khác thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao hoặc phân công/chỉ đạo của Lãnh đạo Petrovietnam trong Hoạt động M&A.

Điều 11. Nội dung cơ bản của phương án M&A

1. Sự cần thiết thực hiện Giao dịch M&A;

2. Sự phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp;

3. Thông tin doanh nghiệp mục tiêu; phân tích, đánh giá doanh nghiệp mục tiêu bao gồm các nội dung: Phân tích tài chính, đánh giá pháp lý, đánh giá kỹ thuật - công nghệ (nếu có), đánh giá nhân sự và quản trị, nhận diện rủi ro, giá trị định giá.

4. Phương án và hình thức M&A: Mua lại/sáp nhập; Tỷ lệ nắm giữ sau giao dịch; Giá trị dự kiến giao dịch; Nguồn vốn thực hiện; Lộ trình triển khai;

5. Hiệu quả và tác động dự kiến: Hiệu quả tài chính; Hiệu quả hoạt động; Hiệu quả phi tài chính; Ảnh hưởng đến các chỉ tiêu chung của Petrovietnam;

6. Rủi ro và giải pháp kiểm soát;

7. Cấp phê duyệt Phương án.

Điều 12. Điều chỉnh phương án M&A

1. Trong quá trình thực hiện Giao dịch M&A, trường hợp có các biến động, ảnh hưởng làm thay đổi nội dung trong quyết định phê duyệt Phương án M&A thì các thủ tục điều chỉnh phương án M&A phải được thực hiện.

2. Quyết định điều chỉnh phương án M&A theo nguyên tắc cấp nào quyết định giao dịch M&A thì cấp đó quyết định điều chỉnh.

CHƯƠNG IV

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ M&A

Điều 13. Nguyên tắc kiểm tra, giám sát và đánh giá Hoạt động M&A

1. Kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình triển khai Hoạt động M&A theo nội dung và các chỉ tiêu đã được phê duyệt trong phương án M&A.

2. Người có thẩm quyền phê duyệt phương án M&A của Petrovietnam chỉ đạo thực hiện giám sát, kiểm tra theo phạm vi được phân cấp đối với các giao dịch M&A do Petrovietnam hoặc các doanh nghiệp khác là Bên Mua.

3. Các giao dịch M&A của Petrovietnam và doanh nghiệp khác phải được tổ chức kiểm tra, giám sát trong toàn bộ quá trình từ khởi động, thực hiện đến tích hợp sau khi giao dịch M&A hoàn thành.

4. Kết quả, kết luận của các lần giám sát, kiểm tra trước đó (nếu có) liên quan đến hoạt động M&A phải được kế thừa, rà soát và tham khảo trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát ở các giai đoạn tiếp theo.

5. Việc kiểm tra đánh giá bao gồm đánh giá tuân thủ các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành liên quan đến phạm vi, quy trình phê duyệt, tổ chức triển khai và thẩm quyền phê duyệt trong hoạt động M&A.

6. Công tác kiểm tra định kỳ được thực hiện theo kế hoạch đã được HĐQT Petrovietnam hoặc Tổng Giám đốc Petrovietnam phê duyệt.

7. Việc kiểm tra, giám sát đột xuất thực hiện theo yêu cầu của HĐQT Petrovietnam hoặc Tổng Giám đốc Petrovietnam.

8. Quy trình, nội dung cụ thể của công tác kiểm tra, giám sát thực hiện theo Quy chế Quản lý vốn đầu tư và kiểm tra, giám sát của Tập đoàn.

Điều 14. Hình thức kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động M&A

1. Hoạt động giám sát, đánh giá đối với các giao dịch M&A và việc thực hiện chiến lược M&A của Petrovietnam được thực hiện thông qua các hình thức sau:

- Giám sát trực tiếp: là việc theo dõi, kiểm tra thực địa hoặc trực tiếp tham gia quá trình thực hiện giao dịch M&A, bao gồm: khảo sát doanh nghiệp mục tiêu, tham dự các buổi làm việc, họp đàm phán, kiểm tra hồ sơ, tài liệu gốc, thực hiện các đợt kiểm tra nội bộ định kỳ hoặc đột xuất tại các đơn vị có liên quan (bao gồm doanh nghiệp mục tiêu sau sáp nhập, đơn vị thực hiện giao dịch).

- Giám sát gián tiếp: là việc theo dõi, kiểm tra hoạt động M&A thông qua hệ thống báo cáo do Ban triển khai M&A và các bộ phận/đơn vị được giao phụ trách thực hiện giao dịch lập và gửi định kỳ hoặc đột xuất, bao gồm: báo cáo tiến độ giao dịch, báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo định giá, báo cáo đánh giá hiệu quả M&A, báo cáo phương án M&A và các báo cáo liên quan khác.

2. Giám sát tài chính sau giao dịch đối với doanh nghiệp mục tiêu thực hiện theo các Quy chế hiện hành của Tập đoàn.

Điều 15. Nội dung kiểm tra, giám sát và đánh giá Hoạt động M&A

1. Nội dung kiểm tra, giám sát

Tùy theo hình thức giám sát (trực tiếp hoặc gián tiếp), Trưởng đoàn giám sát sẽ thực hiện các nội dung giám sát như sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc triển khai giao dịch M&A

Tuân thủ quy định pháp luật và quy trình nội bộ trong từng giai đoạn giao dịch: Lập kế hoạch, thẩm định, tư vấn, lựa chọn đối tác; Đàm phán, ký kết hợp đồng, giải ngân, chuyển giao; Phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các điều kiện tiên quyết của giao dịch; Tiến độ triển khai giao dịch so với kế hoạch; nguyên nhân

chậm tiến độ (nếu có); Biến động trong quá trình thực hiện; việc tổ chức điều chỉnh, xử lý phát sinh.

b) Kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng nguồn vốn

Huy động, bố trí, sử dụng vốn thực hiện giao dịch M&A; Tình hình giải ngân (tạm ứng, thanh toán, quyết toán giá trị giao dịch); Các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính phát sinh và phương án xử lý;

c) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp lý và nghĩa vụ liên quan

Việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý về chuyển nhượng vốn, hợp đồng, tài sản, thuê, đất đai, môi trường và các quy định chuyên ngành; Duy trì điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề có điều kiện; Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, tài nguyên (nếu giao dịch liên quan).

d) Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sau giao dịch M&A

Hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mục tiêu sau Giao dịch M&A; Tình hình lao động, nộp ngân sách, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D), tài chính và các chỉ tiêu chuyên ngành; Việc tích hợp, hợp nhất tổ chức, hệ thống quản trị, nhân sự, tài chính; Khó khăn, vướng mắc phát sinh ảnh hưởng đến hiệu quả Giao dịch M&A và kết quả xử lý; Việc quản lý, vận hành, tiếp quản doanh nghiệp sau Giao dịch M&A; nghiệm thu giao dịch hoàn tất.

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết, ưu đãi và nghĩa vụ sau Giao dịch M&A

Thực hiện các nội dung theo Nghị quyết, văn bản chấp thuận chủ trương, quyết định phê duyệt giao dịch của cấp có thẩm quyền (điều kiện tiên quyết, điều khoản điều chỉnh giá, mốc thời gian cam kết, nội dung khác liên quan); Thực hiện ưu đãi, chính sách đặc thù (nếu có); duy trì các nghĩa vụ gắn với ưu đãi (tỷ lệ lao động, thời hạn sở hữu, mở rộng đầu tư);

f) Kiểm tra, giám sát việc khắc phục và xử lý sau kiểm tra

Việc chấp hành các biện pháp xử lý, kiến nghị đã nêu trong các kỳ kiểm tra, giám sát trước (nếu có); Kết quả khắc phục và báo cáo phương án xử lý khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung vượt thẩm quyền.

2. Nội dung đánh giá:

Sau khi hoàn thành giao dịch M&A, người có thẩm quyền phê duyệt giao dịch chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá, (trường hợp cần thiết có thể đánh giá đột xuất) gồm các nội dung chính sau:

a) Tổng quan giao dịch, bao gồm mục tiêu theo phương án M&A được phê duyệt, loại hình giao dịch; Giá trị giao dịch và các nội dung khác liên quan;

b) Quá trình thực hiện M&A, bao gồm giai đoạn chuẩn bị, thẩm định, đàm phán và ký kết hợp đồng M&A, triển khai và kết thúc giao dịch;

c) Hiệu quả sau khi hoàn tất giao dịch M&A: Hiệu quả tài chính; Hiệu quả hoạt động; Hiệu quả phi tài chính.

d) Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Trong báo cáo thực hiện kế hoạch định kỳ phải được cập nhật, đánh giá hoạt động M&A trong kỳ (nếu có). Sau khi kết thúc giao dịch M&A, Ban triển khai M&A thực hiện báo cáo Lãnh đạo Petrovietnam tổng hợp quá trình thực hiện M&A.

2. Người đại diện phần vốn của Petrovietnam tại doanh nghiệp khác thực hiện báo cáo theo quy định về quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của Petrovietnam và quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn của Petrovietnam tại các doanh nghiệp khác.

3. Tổng Giám đốc Petrovietnam báo cáo HĐQT đối với các nội dung được phân cấp trong hoạt động M&A.

4. Tùy theo yêu cầu quản lý, HĐQT, Tổng Giám đốc Petrovietnam có thể yêu cầu báo cáo đột xuất về hoạt động M&A.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Tổng Giám đốc Petrovietnam có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Hội đồng Thành viên các doanh nghiệp do Petrovietnam nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm căn cứ các quy định pháp luật liên quan, quy định tại Quy chế này và Điều lệ doanh nghiệp ban hành các quy định nội bộ của doanh nghiệp để tổ chức triển khai, quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện M&A.

3. Người đại diện phần vốn của Petrovietnam và Người đại diện Petrovietnam tham gia Ban Kiểm soát/kiểm soát viên tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Petrovietnam, có trách nhiệm tham gia ý kiến, đề xuất cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp xây dựng và ban hành quy định nội bộ để tổ chức triển khai, quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện M&A của doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

4. Các đối tượng liên quan đến hoạt động M&A thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Quy chế này quy định khung quản trị và quy trình nội bộ của Tập đoàn đối với hoạt động M&A, ngoài việc tuân thủ Quy chế này còn phải thực hiện theo pháp luật và các quy định liên quan.

5. Bảo mật thông tin

Thông tin liên quan đến Giao dịch M&A phải được bảo mật theo quy định về bảo mật thông tin, và cam kết bảo mật với đối tác (nếu có).

Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt, có sáng kiến hoặc thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định nội bộ của Petrovietnam.



2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xem xét, xử lý theo các biện pháp, hình thức kỷ luật theo quy định nội bộ của Petrovietnam và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 05 Chương, 19 Điều có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam ký Quyết định ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, Tổng Giám đốc Petrovietnam chỉ đạo Ban Chức năng thường xuyên rà soát, cập nhật để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế nhằm phù hợp với quy định pháp luật và đồng bộ với văn bản quy phạm nội bộ khác của Petrovietnam.

3. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế này (nếu có) do Hội đồng thành viên Petrovietnam xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Petrovietnam./.



PHỤ LỤC QUY TRÌNH THỰC HIỆN M&A

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7174/QĐ-CNNL ngày 19/8/2026 của HĐQT Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam)

STT	Nội dung công việc	Danh mục công việc	Kết quả công việc	Phê duyệt
01	Tìm kiếm doanh nghiệp mục tiêu và sàng lọc cơ hội	- Xác định mục tiêu M&A - Lập danh sách rút gọn 3-5 doanh nghiệp mục tiêu phù hợp - Kiểm tra rủi ro: Pháp lý, thị trường, hợp đồng đang thực hiện, rủi ro chính trị,...	- Danh sách rút gọn doanh nghiệp mục tiêu - Danh sách rủi ro - Ước tính doanh thu/EBITDA và khả năng hợp nhất	Phê duyệt Giao nhiệm vụ và cho phép tiếp cận công ty mục tiêu
02	Tiếp cận mục tiêu và Đánh giá sơ bộ	- Ký Thỏa thuận bảo mật, nhận tài liệu giới thiệu sơ bộ và chi tiết; - Gặp ban điều hành doanh nghiệp mục tiêu, thăm trụ sở, cơ sở sản xuất,... - Thuê tư vấn độc lập (nếu cần thiết); - Đánh giá sơ bộ mô hình kinh doanh, hợp đồng, rủi ro môi trường và an toàn tài chính.	Ước lượng sơ bộ giá và cấu trúc thương vụ	
03	Đề nghị không ràng buộc	- Soạn LOI/NBO: giá khung, tỷ lệ sở hữu, điều kiện tiên quyết (CPs), thời gian dự kiến thẩm định (DD) - Kiểm tra tuân thủ pháp lý, nguồn vốn, khả năng tích hợp	- Đề nghị LOI/ NBO - Phê duyệt nội bộ trước khi phát hành LOI/ NBO	Phê duyệt phát hành LOI/NBO sau kiểm tra pháp lý, vốn, khả năng tích hợp
04	Thẩm định chi tiết	- Thực hiện thẩm định Tài chính, Pháp lý, Kỹ thuật; - Xác định phát hiện trọng yếu; - Lập kế hoạch tích hợp sau M&A (PMI)	- Báo cáo thẩm định - Danh sách các phát hiện chính qua thẩm định; - Bản nháp kế hoạch PMI.	

Handwritten signature

16/08/2026

STT	Nội dung công việc	Danh mục công việc	Kết quả công việc	Phê duyệt
05	Định giá, cấu trúc vốn ⇓	- Điều chỉnh mô hình định giá công ty dựa trên kết quả DD & có tính đến cấu trúc giao dịch (giá trị doanh nghiệp), thanh toán,... - Thiết kế cấu trúc vốn, phân tích đòn bẩy và rủi ro tỷ giá,...	- Mô hình tài chính, cấu trúc giao dịch - Đề xuất cấu trúc vốn, phân tích đòn bẩy và rủi ro tỷ giá	
06	Hợp đồng ràng buộc ⇓	- Đàm phán Hợp đồng M&A; Hợp đồng dịch vụ chuyển tiếp (nếu có) - Xác định CPs và hạn chót. - Tổng hợp Phương án M&A	- Bộ hợp đồng ràng buộc - Xác định được CPs và thời hạn hoàn thành.	Thông qua Hợp đồng M&A, hợp đồng dịch vụ chuyển tiếp (nếu có) khi định giá và cấu trúc vốn đạt yêu cầu
07	Phê duyệt của cấp thẩm quyền ⇓	- Phê duyệt Phương án M&A - Quản lý tiến độ	- Các Phê duyệt - Báo cáo cập nhật tiến độ	Phê duyệt Phương án, phê duyệt giải ngân khi CPs trọng yếu hoàn tất hoặc cam kết chắc chắn
08	Hoàn tất giao dịch và PMI	- Thực hiện chuyển tiền, chuyển quyền sở hữu theo Hợp đồng M&A - Kích hoạt Hợp đồng dịch vụ chuyển tiếp (nếu có), triển khai PMI: nhân sự chủ chốt, chuẩn an toàn, sức khỏe, môi trường,... tích hợp hệ thống.	- Báo cáo hoàn tất giao dịch - Kế hoạch, triển khai PMI	

W

II-1 M&A C&A 10/10

Diễn giải trách nhiệm trong Quy trình thực hiện M&A (RACI)

	Tìm kiếm doanh nghiệp mục tiêu và Sàng lọc Cơ hội (B1)	Tiếp cận mục tiêu & Đánh giá sơ bộ (B2)	Đề nghị không ràng buộc (B3)	Thẩm định chi tiết (B4)	Định giá, cấu trúc vốn (B5)	Hợp đồng ràng buộc (B6)	Phê duyệt của cấp thẩm quyền (B7)	Hoàn tất giao dịch và PMI (B8)
Lưu ý	- Đặt rõ mục tiêu, lĩnh vực chú trọng - Kiểm tra nhanh các rủi ro có thể gặp phải	- Có bất kỳ hợp đồng nào ràng buộc M&A không? - Đánh giá các tác động với NĐT hiện hữu và tương lai	- Đánh giá các điểm trong LOI/ NBO bao gồm các yếu tố về giá, định giá, CPs và thời gian dự kiến ký HĐ	- Xác định các khía cạnh cần thẩm định chi tiết và thời gian dự kiến hoàn thành, sự phối hợp để có đánh giá hoàn thiện theo quy định về công tác thẩm định của TĐ	- Điều chỉnh định giá dựa trên kết quả DD có tính đến cấu trúc giao dịch; - Đánh giá cơ cấu vốn phù hợp với ngành nghề	- Đánh giá về thực hiện điều kiện tiên quyết và tính khả thi/ thời gian phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	- Sự phối hợp làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đạt được phê duyệt nếu thuộc quyền của DD CSH	- Ảnh hưởng của chủ đồng bộ hệ thống nhất và vận hành
Bộ Phận								
Ban triển khai	R (căn cứ KH M&A đề xuất; tổng hợp)	A (điều phối tiếp cận chính thức)	R (dự thảo, rà soát LOI/NBO, điều phối)	R (lập KH, điều phối DD)	R (tổng hợp, điều phối)	C (hỗ trợ đàm phán, điều phối, tổng hợp Phương án)	R (tổng hợp Hồ sơ trình duyệt)	A1 (điều phối, lập KH PMI, tổ chức hoàn tất giao dịch)
Ban PCĐT	C (cảnh báo rủi ro pháp lý sơ bộ)	C (đánh giá cấu trúc pháp lý, sở hữu,...)	C (rà soát điều khoản pháp lý trong LOI/NBO)	A1 (DD pháp lý, tranh chấp, giấy phép, tuân thủ)	C (đánh giá tác động pháp lý tới định giá/ cấu trúc)	A1 (soạn thảo, đàm phán Hợp đồng, CPs)	C (rà soát pháp lý Hồ sơ trình duyệt)	C (thực hiện thủ tục pháp lý sau closing)
Ban TCKT	C (đánh giá sơ bộ tình hình tài chính, chỉ số cơ bản)	C (phân tích BCTC ban đầu, khả năng sinh lời)	C (góp ý điều khoản tài chính trong LOI/NBO)	A1 (DD tài chính)	A1 (xây dựng định giá, mô hình, cấu trúc vốn, nguồn,...)	C (rà soát cơ chế thanh toán, điều khoản tài chính)	C (rà soát tài chính Hồ sơ trình duyệt)	R (thanh toán, hạch toán, hợp nhất BCTC)

WU

15/11/2023

	Tìm kiếm doanh nghiệp mục tiêu và Sàng lọc Cơ hội (B1)	Tiếp cận mục tiêu & Đánh giá sơ bộ (B2)	Đề nghị không ràng buộc (B3)	Thẩm định chi tiết (B4)	Định giá, cấu trúc vốn (B5)	Hợp đồng ràng buộc (B6)	Phê duyệt của cấp thẩm quyền (B7)	Hoàn tất giao dịch và PMI (B8)
Các Ban liên quan	C (đánh giá kỹ thuật sơ bộ)	C (đánh giá khả năng tích hợp sơ bộ)	C (góp ý khả năng vận hành trong LOI/NBO; PMI sơ bộ)	A1 (DD kỹ thuật, công nghệ, vận hành, nhân sự,...)	C (đánh giá hiệu quả vận hành sau M&A)	C (góp ý điều khoản vận hành)	C (tham gia)	A1 (thực hiện PMI, tích hợp hệ thống,...)
Hội đồng Đầu tư	I (thông tin)	I (thông tin)	I/ C (review LOI nếu cần thiết)	I (thông tin)	I/ C (phản biện mô hình nếu cần thiết)	I (thông tin)	C (ý kiến tư vấn nếu cần thiết)	I (thông tin)
Tổng Giám đốc	A (giao nhiệm vụ triển khai M&A)	I (nhận thông tin báo cáo)	A (duyet LOI/ NBO)	A (nhận thông tin báo cáo. Quyết định tiếp tục/ dừng sau DD)	A (phê duyệt định giá và cấu trúc giao dịch)	A (thông qua điều khoản Hợp đồng)	A (phê duyệt/ trình HĐQT theo Điều 6 Quy chế.)	A (chỉ đạo tổng thể closing và PMI)
HĐTV	I (thông tin)	I (thông tin)	I (thông tin)	I (thông tin)	I (thông tin)	I (thông tin)	A (phê duyệt/ trình cấp thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Quy chế)	I (giám sát kết quả sau đầu tư)
	Cửa 1		Cửa 2		Cửa 3		Cửa 4	

Việc phê duyệt tại từng bước trong Quy trình tuân thủ phân cấp thẩm quyền tại Điều 5 và Điều 6 của Quy chế Từ viết tắt:

- R: Người/ bộ phận thực hiện
- A: Người/ bộ phận chịu trách nhiệm cuối cùng
- A1: Người/ bộ phận chịu trách nhiệm lĩnh vực
- C: Người/ bộ phận tham vấn
- I: Người/ bộ phận được cập nhật thông tin



ink